TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dư Công Thử.

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bơ Nah Ria D, sinh năm 1988; Trú tại: Số nhà 60, Xóm 1, thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: ông Lê Văn T, sinh năm 1988; Trú tại: Số nhà 60, Xóm 1, thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà Bơ Nah Ria D có mặt, ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng và tại phiên toà – nguyên đơn bà Bơ Nah Ria D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Bơ Nah Ria D và ông Lê Văn T yêu thương, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn đôi bên chung sống với nhau tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp được với nhau. Nay bà Bơ Nah Ria D thấy

rằng tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Bơ Nah Ria D và ông Lê Văn T có 01 con chung Lê Trúc L, sinh ngày 06/7/2010. Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Bơ Nah Ria D xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án triệu tập hợp lệ ông Lê Văn T nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Bơ Nah Ria D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bơ Nah Ria D về việc ly hôn đối với bị đơn ông Lê Văn T; giao con chung Lê Trúc L, sinh ngày 06/7/2010 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: bị đơn ông Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đ.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định cho bị đơn ông Lê Văn T, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Lê Văn T theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét tình trạng hôn nhân giữa các bên thấy rằng: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2014 do Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Đ cấp ngày 03/7/2014 thì bà Bơ Nah Ria D và ông Lê Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng: theo bà Bơ Nah Ria D thì quá trình chung sống giữa bà và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ những bất đồng trong quan điểm sống, không có sự hoà hợp dẫn tới tình cảm vợ chồng rạn nứt. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T đều cố tình trốn tránh không hợp tác, không thể hiện thiện chí mong muốn quay về đoàn tụ, cũng không có biện pháp cải thiện cuộc sống vợ chồng, cho nên đến nay mâu thuẫn giữa đôi bên kéo dài đã lâu nhưng vẫn không giải quyết được. Biên bản xác minh ngày 22/11/2022 (bút lục 14), ông Tou Neh Đ là trưởng thôn K cho biết quá trình chung sống giữa bà Bơ Nah Ria D và ông Lê Văn T có nhiều mâu thuẫn do những bất đồng về phong tục tập quán, lối sống. Ông T phải về ở rể bên gia đình vợ, bản thân ông T lại có lối sống chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu say về cãi vã với bà D sau đó lại bỏ nhà đi vài ngày mới về. Nhiều lần Ban thôn có xuống nhà để hoà giải, tác động để ông T sửa đổi tính cách và sống có trách nhiệm hơn với gia đình nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy.

Tại phiên toà, bà Bơ Nah Ria D vẫn cương quyết ly hôn với ông Lê Văn T. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa đôi bên là có xảy ra trên thực tế, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ, nên cần chấp nhận cho bà Bơ Nah Ria D được ly hôn với ông Lê Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Tại phiên toà, bà Bơ Nah Ria D vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trúc L, sinh ngày 06/7/2010. Theo bà D thì hiện nay bà đang làm nông, có thu nhập và có nơi cư trú ổn định tại xã K, có thể đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện về mọi mặt. Bản tự khai của cháu Lê Trúc L (bút lục 20a) thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với bà D. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung.

Để đảm bảo cho sự phát triển về mặt tâm sinh lý cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Lê Trúc L cho bà Bơ Nah Ria D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét đến.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà Bơ Nah Ria D xác nhận không có tài sản chung và nợ chung; ông Lê Văn T vắng mặt và cũng không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bơ Nah Ria D với bị đơn ông Lê Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Bơ Nah Ria D được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Trúc L, sinh ngày 06/7/2010 cho bà Bơ Nah Ria D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Bơ Nah Ria D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009062 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Bỉnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hiển **Đinh Hữu Luynh** **Võ Thành Luân**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hiển **Đinh Hữu Luynh** **Võ Thành Luân**